

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Các đơn vị, địa phương căn cứ chỉ tiêu được giao tại Điều 1 và khoản 2 tại Điều 2 Quyết định này, khẩn trương ban hành văn bản, tổ chức triển khai thực hiện. Trong đó, phân rõ lộ trình cụ thể tại đơn vị theo từng tháng, quý trong năm để thực hiện; phân công, giao nhiệm vụ kèm chỉ tiêu đối với từng phòng ban, đơn vị trực thuộc và mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để hoàn thành chỉ tiêu.

Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương. Trong đó, kịp thời chấn chỉnh và xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức có các hành vi chậm trễ, những nhiễu, tiêu cực, tự yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định pháp luật gây khó khăn, phiền hà trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính; đảm bảo việc hoàn thành các chỉ tiêu tại đơn vị, địa phương mình để phục vụ cho công tác chấm điểm cải cách hành chính năm 2023 của từng đơn vị, địa phương và chung của tỉnh.

2. Ngoài nhiệm vụ được giao tại Phụ lục kèm theo Quyết định này, các đơn vị, địa phương căn cứ chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Kế hoạch số 2215/KH-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử để tổ chức, triển khai thực hiện đảm bảo phục vụ cho việc theo dõi, đánh giá chấm điểm của Văn phòng Chính phủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2023.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công phối hợp với đơn vị cho thuê dịch vụ công nghệ thông tin đảm bảo kỹ thuật an toàn, thông suốt của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai của các đơn vị, địa phương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Viễn thông Kon Tum;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + CVP, các PCVP;
 - + Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC.VĐT.



CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC
GIAO CHỈ TIÊU VỀ TRIỂN KHAI SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN, THANH TOÁN TRỰC TUYẾN VÀ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Số TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thực hiện trong năm 2023		Căn cứ thực hiện
				Đơn vị tính	Giao chỉ tiêu	
I	Triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính					
1	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đạt tối thiểu 30%	Các sở, ban ngành; Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	%	30	Mục 7.3.4 (Bảng 2 kèm theo Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ)
2	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện đạt tối thiểu 25%	Các cơ quan chuyên môn cấp huyện	Văn phòng HĐND-UBND huyện	%	25	Mục 7.3.4 (Bảng 2 kèm theo Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ)
3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã đạt tối thiểu 15%	UBND cấp xã	Văn phòng HĐND-UBND huyện	%	15	Mục 7.3.4 (Bảng 2 kèm theo Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ)
II	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình					
	<i>Tỷ lệ theo công thức (b/a). Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i>	Các sở, ban ngành; Ban Quản lý khu	Văn phòng UBND tỉnh	%	60	Mục 7.3.6 (Bảng 2 kèm theo Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ); Mục

	<i>(gồm cả trực tuyến và không trực tuyến)</i> b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của dịch vụ công trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy)	kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã				III.4 (Phụ lục I kèm theo Chỉ thị số 01/CT-BTTTT ngày 20/01/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông)
III	Thực hiện thanh toán trực tuyến					
1	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: <i>Theo công thức (b/a). Trong đó:</i> a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	Các sở, ban ngành; Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	%	60	Mục 7.3.6 (Bảng 2 kèm theo Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ); Mục số 71 (Phụ lục III kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ).
2	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: <i>Theo công thức (b/a). Trong đó:</i> a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến <i>(Ghi chú: Phạm vi đánh giá là các hồ sơ đã giải quyết của các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính đang triển khai cung cấp trực tuyến)</i>	Các sở, ban ngành; Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	%	30	Mục 7.3.6 (Bảng 2 kèm theo Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ); Mục số 71 (Phụ lục III kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ).
IV	Chỉ tiêu về kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính					

1	<p>Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn.</p> <p>Theo công thức (b/a). Trong đó: a là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm b là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn (Lưu ý: tỷ lệ b/a phải đạt tối thiểu 95%)</p>	<p>Các sở, ban ngành; Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh</p>	<p>Văn phòng UBND tỉnh</p>	<p>%</p>	<p>95</p>	<p>Mục 3.4.1 (Bảng 2 kèm theo Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ)</p>
2	<p>Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn.</p> <p>Theo công thức (b/a). Trong đó: a là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm b là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn (Lưu ý: tỷ lệ b/a phải đạt tối thiểu 95%)</p>	<p>Các cơ quan chuyên môn cấp huyện</p>	<p>Văn phòng HĐND-UBND huyện</p>	<p>%</p>	<p>95</p>	<p>Mục 3.4.2 (Bảng 2 kèm theo Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ)</p>
3	<p>Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn.</p> <p>Theo công thức (b/a). Trong đó: a là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm b là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn (Lưu ý: tỷ lệ b/a phải đạt tối thiểu 95%)</p>	<p>UBND cấp xã</p>	<p>Văn phòng HĐND-UBND huyện</p>	<p>%</p>	<p>95</p>	<p>Mục 3.4.3 (Bảng 2 kèm theo Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ)</p>